PHỤ LỤC I
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ÁP DỤNG KHI TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT VÀ TÍNH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI NƠI TÁI ĐỊNH CƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38./2026/QĐ-UBND ngày ...15../5/2026 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm/ Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	**TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**				
A1	**PHƯỜNG TUY HÒA**				
1	**Đường bao quanh Nhà tưởng niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ**				
-	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
+	Đường Tản Đà	1,41			
2	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc bệnh viện Quốc Tế, Phường 9, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã 5 Mậu Thân)	2,25	2,25	2,20	2,60
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
3	**Dự án: Khu tái định cư Khu phố Phú Ân, phường Tuy Hòa thuộc dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc-Nam qua địa bàn các xã, phường: Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên, Đông Hòa, Hòa Xuân (địa bàn phường Tuy Hòa)**				
-	Đất ở				
+	Quốc lộ 25 (Quốc lộ 1 - Đường cao tốc Bắc Nam)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
4	**Khu dân cư phía Nam đường Quy hoạch số 8, thành phố Tuy Hòa (từ đường Lê Thành Phương đến đường Quy hoạch số 1)**				
-	Đất ở				
+	Đường Hàm Nghi			1,84	1,84
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
5	**Xây dựng đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ nhà số 03-68 đường Lý Thường Kiệt), thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Lý Thường Kiệt (Lê Duẩn-Giáp đoạn đã đầu tư hạ tầng)	2,00	2,38	2,68	2,68
+	Đường Huyền Trân Công chúa	2,00	2,00	2,68	3,16
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

6	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lò vôi, phường 1, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đại lộ Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn Bắc cầu Sông Đà Rằng đến Trần Hưng Đạo)	1,50	1,50	1,85	2,00
+	Đường Trần Quang Khải (Nguyễn Tất Thành - Giáp xã Hòa An cũ)	1,15		1,35	
-	Đất thương mại, dịch vụ				
+	Đại lộ Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn Bắc cầu Sông Đà Rằng đến Trần Hưng Đạo)	1,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
7	**Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (Giai đoạn 1)**				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã năm Mậu Thân)	2,25	2,25	2,17	2,58
+	Đường Ngô Văn Sở	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Hoàng Văn Thụ (Hùng Vương-Ngô Văn Sở)	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Trần Phú (Độc lập – Lê Thành Phương)	1,30	1,30	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
8	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam khu dân cư đường Mai Xuân Thưởng, Phường 5, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Huệ (Trường Chinh – Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
9	**Đầu tư khu dân cư Rạch Bầu Hạ (Đoạn: Từ đường quy hoạch đến đường Nguyễn Huệ), phường 5, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Lê Lợi (Hùng Vương – Duy Tân)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
10	**Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Thọ) giai đoạn 1 và tuyến đường Hoàng Văn Thụ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi nối dài đến đường N3 phía Tây khu dân cư Bắc Trần Phú), TP Tuy Hòa**				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

11	**Khép kín khu dân cư phía Đông đường Trần Suyền, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Phan Đăng Lưu				1,35
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
12	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông công viên Hồ Sơn, phường 9, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã 5 Mậu Thân)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
13	**Đầu tư đường Yersin (đoạn từ Nguyễn Huệ - đường số 8)**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Huệ (Trường Chinh – Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đường Hàm Nghi (Đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ - Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
14	**Khép kín khu dân cư phía Tây đường Trần Suyền, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã năm Mậu Thân)	2,25	2,25	2,17	2,58
+	Đường Ngô Văn Sở	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Hoàng Văn Thụ (Hùng Vương-Ngô Văn Sở)	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Trần Phú (Độc lập – Lê Thành Phương)	1,30	1,30	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
15	**Xây dựng đường Trần Quốc Toản (đường Quy hoạch 6m - đường Lê Lợi), Phường 5, thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường Lê Lợi (Hùng Vương – Duy Tân)	1,00	1,00	1,00	1,00
16	**Di dời đoạn tuyến đường dây 110kV Tuy Hòa – Tuy An đi qua cụm đài tưởng niệm Mậu Thân tỉnh Phú Yên**				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

17	**Đường Bạch Đằng giai đoạn 2**				
-	Đất ở				
+	Đường Bạch Đằng (Phan Đình Phùng – Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	1,40	1,35	1,35	1,50
+	Đường Bạch Đằng (Lê Duẩn - Phan Đình Phùng)	1,35	1,25	1,10	1,55
+	Đường Bạch Đằng (cảng cá phường 4 cũ - Lê Duẩn)	1,40		1,35	1,50
+	Đường Phan Đình Phùng (Bạch Đằng – Tản Đà)	1,00	1,00	1,00	1,35
+	Đường Chu Mạnh Trinh			1,45	2,30
+	Đường Trần Quý Cáp (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,60			2,45
+	Đường Nguyễn Công Trứ (Nguyễn Trãi – Trần Hưng Đạo)	1,40		1,45	1,60
+	Đường Nguyễn Công Trứ (Đại lộ Hùng Vương - Nguyễn Trãi)	1,40		1,40	1,55
+	Đường Nguyễn Trãi (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,00		1,00	
+	Đường Duy Tân (Bạch Đằng – Trần Hưng Đạo)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đại lộ Hùng Vương (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,00		1,00	1,15
+	Đường Lê Duẩn (Bạch Đằng – Trần Phú)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đường Trần Hưng Đạo (Độc Lập – Lê Duẩn)			1,00	1,25
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
18	**Khu dân cư đường Mạc Thị Bưởi, thành phố Tuy Hòa (khu phía Nam đường Trần Quang Khải và phía Tây đường Côn Sơn)**				
-	Đất ở				
+	Đường Trần Quang Khải (Nguyễn Tất Thành - Giáp xã Hòa An cũ)	1,15		1,35	
+	Đường Côn Sơn (Trần Quang Khải - Ranh giới xã Hòa An cũ)	1,30			
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
19	**Dự án: Khép kín khu dân cư phía nam ThaCo Trường Hải thuộc khu đất 027 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)**				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
20	**Dự án: Khép kín khu dân cư phía nam ThaCo Trường Hải thuộc khu đất O28 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)**				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

21	**Dự án: Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường số 14) giai đoạn 2**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn Trần Suyền phía Tây bệnh viện tỉnh đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	2,70		1,60	
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
22	**Dự án Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn phía Tây bệnh viện Đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)**				
-	Đất ở				
+	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Gara ô tô Sun Taxi Phú Yên đến ranh giới phường Tuy Hòa và phường Bình Kiến)	1,30			
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn phía Tây bệnh viện Đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân (đoạn từ trường tiểu học Bùi Thị Xuân đến Nguyễn Hữu Thọ)	2,50	2,50	2,00	2,00
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
23	**Dự án Đường Trần Phú nối dài và hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 1)**				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
24	**Công viên ven biển TPTH (đoạn từ Cảng cá Phường 6 đến đường Nguyễn Huệ và đoạn từ Khu Resort Thuận Thảo đến Nhà nghỉ Hội Nông dân Tỉnh)**				
-	Đất ở				
+	Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn)	1,24	1,00	1,00	1,20
+	Đường Độc Lập (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Hữu Thọ)	1,20	1,00	1,00	1,00
+	Đường đi cảng cá	2,16	1,48	1,43	1,92
25	**Dự án Hạ tầng khung khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ**				
-	Đất ở tại đô thị				
+	Đường Lê Thành Phương (đoạn Trần Phú dến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

A2	**PHƯỜNG BÌNH KIẾN**				
1	**Dự án: HTKT Khu dân cư phía Nam khu du lịch sinh thái Sao Việt và Khu dân cư phía Tây Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm (40ha)**				
-	Đất ở				
+	Đường liên khu phố Xuân Dục – Chính nghĩa	1,24	1,24	1,45	1,45
+	Đường liên phường (thuộc địa bàn xã An Phú cũ) *(đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng)*	1,21	1,21	1,50	1,50
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
2	**Dự án: Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa**				
-	Đất ở				
+	Đường liên khu phố Xuân Dục – Chính nghĩa	1,24	1,24	1,45	1,45
+	Đường liên phường (thuộc địa bàn xã An Phú cũ) *(đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng)*	1,21	1,21	1,50	1,50
+	Đường cơ động ven biển	1,21	1,21	1,50	1,50
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa), đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
3	**Dự án: Mở rộng tuyến đường dọc Kênh N1 (đoạn từ Xã lộ 20 đến đường vào Nghĩa trang Thọ Vức)**				
-	Đất ở				
+	Các tuyên đường liên khu phô tiếp giáp đường Đá Bàn *(đoạn từ Quốc lộ 1 đến Chợ Xuân Hòa)*			1,97	
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
4	**Dự án: Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường số 14) giai đoạn 2**				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (*Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ)*	1,97	1,97	1,50	1,75
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00

5	**Dự án: Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ phía Tây Bệnh viện đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ *(Đoạn từ đường Trần Suyền phía Tây Bệnh viện tỉnh đến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)*	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân: *Đoạn đường Nguyễn Hữu Thọ đến giáp ranh xã Bình Kiến cũ.*	2,70	2,70	2,20	2,20
	Đại lộ Nguyễn Tất Thành *(Đoạn từ ranh giới phường 2 và phường 9 đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến)*	1,50			
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
6	**Dự án: HTKT khu đô thị phía Bắc đường Nguyễn Hữu Thọ (thuộc quy hoạch phía Bắc đường Nguyễn Hữu Thọ và điều chỉnh một phần khu dân dụng Phước Hậu – Liên Trì) (Giai đoạn 1 – 37ha)**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ *(Đoạn từ đường Trần Suyền phía Tây Bệnh viện tỉnh đến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)*	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ	1,97	1,97	1,50	1,75
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
7	**Dự án: Tiểu thành phần đoạn Chí Thạnh-Vân Phong thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố Tuy Hòa) (Hạng mục: Di dời hệ thống điện 220kV, 110kV, 22kV, 0,4kV và di dời hệ thống thông tin và đường gom dân sinh)**				
-	Đất ở				
+	Các tuyến đường liên khu phố tiếp giáp đường Đá Bàn *(đoạn Trường Trung học cũ đến cuối khu phố Tường Quang)*			1,97	
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00

8	**Các Dự án: Xây dựng khu xử lý chất thải vệ sinh của thành phố Tuy Hòa; Dự án: Hệ thống xử lý nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn thành phố Tuy Hòa; Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm; Dự án: Mở rộng đường đảm bảo cho các lực lượng cơ động ven biển thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (đường Lê Duẩn nối dài giai đoạn 2) (đoạn từ KM4+205,28 - KM7+668,64); Dự án: Đầu tư xây dựng đường quy hoạch N19 thuộc đồ án quy hoạch Độc Lập-Lê Duẩn, xã An Phú; Dự án: Công viên Nghĩa trang An Phước Viên; Dự án: Xây dựng tường rào khu đất cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát cơ động và khu đất cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an tỉnh; Dự án: Kho dự trữ Phú Yên**				
-	Đất chuyên trồng lúa, đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa), đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
A3	**PHƯỜNG SÔNG CẦU**				
1	**Dự án: đường nội thị Phạm Văn Đồng**				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng, đoạn từ Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ	2,50			
+	Đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Nam cầu Tam Giang cũ đến Bắc cầu vượt)	2,83			
2	**HTKT chợ trung tâm đô thị Sông Cầu; HTKT khu phố chợ phường Xuân Phú; HTKT KDC phường Xuân Phú**				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50	1,98	1,76	1,60
3	**Dự án Đường Trung Trinh – Vũng La (đoạn đá Tượng – nhà ông Võ Văn Đúng)**				
-	Đất ở				
+	Đường GTNT Trung Trinh – Vũng La	2,60	2,90	2,90	2,90
4	**Dự án Đường Trung Trinh – Vũng La (giai đoạn 1)**				
-	Đất ở				
+	Đường GTNT Trung Trinh – Vũng La	2,60	2,90	2,90	2,90

5	**Dự án Đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)**				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)			1,76	1,60
6	**Dự án: Kè Bờ Nam Sông Thị Thạc, thị xã Sông Cầu (thực hiện thi hành án ông Lê Trường Sinh)**				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50			
7	**Dự án: Đường Hoàng Hoa Thám nối dài (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Đoàn Thị Điểm)**				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50	1,98		
8	**Đất nông nghiệp trong khu vực thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất**				
-	Đất chuyên trồng lúa; Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,25	1,09	1,00	1,00
-	Đất trồng cây lâu năm	1,20	1,00	1,00	1,00
-	Đất rừng sản xuất	1,20	1,23	1,00	1,00
A4	**XÃ HÒA XUÂN**				
1	**Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Tâm - Giai đoạn 1.**				
-	**Đất ở**				
+	Đoạn đường từ Cầu Đà Nông đến Giáp ranh Cảng Bãi Gốc (Từ cầu Đà Nông đến cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân- Bãi Ngà)	1,25	1,25	1,25	1,25
+	Đoạn từ cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân – Bãi Ngà đến Ranh giới xã Hòa Xuân Nam cũ	1,35	1,35	1,35	1,35
+	- Đường Phú Khê – Phước Tân (từ ranh giới xã Hòa Xuân Đông cũ đến giáp Quốc lộ 29, thôn Phước Tân	1,10	1,10	1,10	1,10
A5	**XÃ EA WER**				
1	**Dự án: Sắp xếp bố trí ổn định tái định cư Buôn Nđrếch, xã Ea Huar (cũ) nay là xã Ea Wer (giai đoạn 1)**				
-	Đất ở				
+	Tỉnh lộ 1: Cầu 35 đến sát ranh giới xã Buôn Đôn	3,00	3,00	3,00	
-	Đất chuyên trồng lúa			4,00	
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)				3,00
-	Đất trồng cây lâu năm				3,00

2	**Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi KN SrêPôk 3**				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
3	**Dự án: Mở rộng nhà máy thuỷ điện SrêPôk 3**				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
4	**Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi SrêPôk 3 Đắk Lắk**				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
5	**Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi SrêPôk 3 Lâm Đồng**				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
6	**Dự án: Đường giao thông trục số 07 và trục số 39 trung tâm xã Ea Wer**				
-	Đất ở				
+	Đường số 6: Hết trường THPT Buôn Đôn - giáp vành đai phía đông (VT2, VT3)		3,00	3,00	
-	Đất chuyên trồng lúa		3,00		
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)			3,00	
-	Đất trồng cây lâu năm		2,00		
7	**Dự án: Trạm biến áp 110 kv Buôn Đôn và đấu nối, hạng mục: Hướng tuyến đường dây 35 kv và 22 kV đấu nối sau Trạm biến áp 110 kv Buôn Đôn**				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,50			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
A6	**XÃ EA WY**				
1	Dự án thu hồi đất Đập Sình Mây xã Ea Wy				
-	Đất trồng lúa	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	1,50			

A7	**XÃ BUÔN ĐÔN**				
1	**Đường cơ động từ Tiểu đoàn D19 đi đồn Biên phòng Yok Đôn**				
-	**Đất ở**				
+	Đường ngang: Đoạn từ Ngã ba tư Khăm Thưng đến cầu Buôn Trí	2,50	2,50	2,50	2,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	3,00			
2	**Xây dựng trụ sở cơ quan quân sự xã**				
-	**Đất ở**				
+	Đường Tỉnh lộ 17 (cũ), đoạn Ngã ba đường vào Buôn Trí đến hồ Ea Rông			2,00	
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	3,00			
A8	**XÃ LIÊN SƠN LẮK**				
1	**Dự án: Nâng cấp, mở rộng Hoa viên tượng đài chiến thắng huyện Lắk tại thôn Hợp Thành**				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến hết đường đôi	2,10			
+	Đường Lê Lai đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thường Kiệt	2,10			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); Đất trồng cây lâu năm			3,00	
A9	**XÃ PHÚ XUÂN**				
1	**Dự án khu công nghiệp cụm Krông Năng**				
-	Đất ở				
+	Đường tỉnh lộ 3, đoạn từ Đến ngã ba giáp đất ông Trần Văn Huy (thửa đất số 8, TBĐ số 90) đến Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 10, TBĐ 104)		1,50	1,50	1,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00	2,00	2,00	
2	**Khu dân cư nông thôn mới**				
-	Đất ở				
+	Đường tỉnh lộ 3, đoạn từ Đến ngã ba giáp đất ông Trần Văn Huy (thửa đất số 8, TBĐ số 90) đến Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 10, TBĐ 104)		1,50	1,50	1,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00	2,00	2,00	
A10	**XÃ PƠNG DRANG**				
1	**Công trình: Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1 đi qua địa bàn xã Pơng Drang, tỉnh Đắk Lắk**				
-	Đất trồng cây lâu năm		1,50		
II	**TÍNH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI NƠI TÁI ĐỊNH CƯ**				
A1	**XÃ EA KNUẾC**				
1	**Dự án Khu dân cư trung tâm xã Ea Knuếc**				
-	Đất ở				
+	Các thửa đất thuộc Khu A1	5,98			
+	Thửa đất thuộc Khu A7	5,98			
+	Các thửa đất thuộc Khu A3	2,02			